

# ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ

Địa chỉ: Số 08 Mạc Đĩnh Chi - P Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh.

☎: 38 297 853 – Fax: 38 296 091 ✉: dbthuyvan@kttvnb.vn website: <https://kttvnb.vn>

## BẢN TIN DỰ BÁO ĐẶC TRƯNG THỦY TRIỀU 5 NGÀY

Bản tin số : 284/2026

Thứ Chủ Nhật ngày 11 tháng 10 năm 2026

Ngày 02 tháng 09 năm BÍNH NGỌ

| SỐ LIỆU THỰC ĐO                      |                          |                                                   |            |          |              |                                     |                                        |                                  |            |
|--------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------|------------|----------|--------------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|------------|
| Lượng mưa (mm)                       |                          | Mức nước và lưu lượng các hồ chứa ngày 10/10/2026 |            |          |              |                                     |                                        |                                  |            |
| Trạm                                 | từ 7h 10/10 đến 7h 11/10 | Hồ chứa                                           | Sông       | Tỉnh     | Mức nước (m) | Lưu lượng về hồ (m <sup>3</sup> /s) | Lưu lượng chạy máy (m <sup>3</sup> /s) | Lưu lượng xả (m <sup>3</sup> /s) | Ghi chú    |
| Phú An                               | -                        | Trị An                                            | Đồng Nai   | Đồng Nai | 61.38        | 1610                                | 785                                    | 818.0                            |            |
| Tân Sơn Hòa                          | -                        | Thác Mơ                                           | Bé         | Đồng Nai | 217.34       | 315                                 | 162                                    | 0.0                              |            |
| Nhà Bè                               | 0.1                      | Sr.P.Miêng                                        | Bé         | Đồng Nai | 71.98        | 316                                 | 280                                    | 35.9                             |            |
| Vũng Tàu                             | -                        | Dầu Tiếng                                         | Sài Gòn    | TPHCM    | 22.37        | 79                                  | -                                      | 58.1                             |            |
| Thủ Dầu I                            | -                        | Sông Ray                                          | Ray        | TPHCM    | 72.79        | 41.6                                | 18.0                                   | 48.3                             |            |
|                                      |                          | Đá Đen                                            | Xoài       | TPHCM    | 44.08        | 11.2                                | 3.3                                    | 15.4                             |            |
|                                      |                          | Sông Hoả                                          | Hỏa        | TPHCM    | 24.15        | 0.4                                 | 0.0                                    | 0.4                              |            |
| MỨC NƯỚC THỰC ĐO NGÀY 10/10/2026 (m) |                          |                                                   |            |          |              |                                     |                                        |                                  |            |
| Trạm                                 | Sông/Kênh                | Đỉnh triều                                        |            |          |              | Chân triều                          |                                        |                                  |            |
|                                      |                          | Mức nước                                          | giờ x.hiện | Mức nước | giờ x.hiện   | Mức nước                            | giờ x.hiện                             | Mức nước                         | giờ x.hiện |
| Vũng Tàu                             | Biển Đông                | 4.13                                              | 01.30      | 4.16     | 13.45        | 1.84                                | 20.00                                  | 1.82                             | 07.45      |
| Tân An                               | Vàm Cỏ Tây               | 1.73                                              | 16.30      | 1.73     | 4.00         | 0.22                                | 23.30                                  | 0.24                             | 11.30      |
| Bến Lức                              | Vàm Cỏ Đông              | 1.55                                              | 16.00      | 1.52     | 3.30         | -0.35                               | 23.00                                  | -0.36                            | 11.00      |
| Gò Dầu Hạ                            | Vàm Cỏ Đông              | 1.00                                              | 18.30      | 0.98     | 6.30         | 0.65                                | 1.10                                   | 0.72                             | 13.40      |
| Biển Hòa                             | Đồng Nai                 | 2.20                                              | 17.00      | 2.19     | 5.00         | ct                                  | ct                                     | 0.45                             | 12.00      |
| Thủ Dầu Một                          | Sài Gòn                  | 1.87                                              | 17.40      | 1.86     | 5.20         | ct                                  | ct                                     | 0.13                             | 12.00      |
| Dầu Tiếng                            | Sài Gòn                  | 1.52                                              | 22.30      | 1.53     | 10.00        | 0.78                                | 4.00                                   | 0.78                             | 16.00      |
| Phú An                               | Sài Gòn                  | 1.66                                              | 16.00      | 1.65     | 4.00         | -0.77                               | 23.00                                  | -0.80                            | 10.00      |
| Nhà Bè                               | Đồng Điện                | 1.74                                              | 15.30      | 1.71     | 3.00         | -0.94                               | 22.00                                  | -0.97                            | 09.30      |

| MỨC NƯỚC DỰ BÁO (m) |       |            |            |      |            |            |            |       |            |
|---------------------|-------|------------|------------|------|------------|------------|------------|-------|------------|
| Trạm                | Ngày  | Đỉnh triều |            |      |            | Chân triều |            |       |            |
|                     |       | H          | giờ x.hiện | H    | giờ x.hiện | H          | giờ x.hiện | H     | giờ x.hiện |
| Phú An              | 11/10 | 1.70       | 17.00      | 1.68 | 4.00       | ct         | ct         | -1.06 | 10.30      |
|                     | 12/10 | 1.69       | 18.00      | 1.70 | 5.00       | -0.41      | 0.00       | -1.26 | 11.00      |
|                     | 13/10 | 1.65       | 19.00      | 1.67 | 6.00       | -0.18      | 0.30       | -1.40 | 12.00      |
|                     | 14/10 | 1.58       | 20.00      | 1.60 | 7.00       | 0.04       | 1.00       | -1.51 | 12.30      |
|                     | 15/10 | 1.46       | 21.00      | 1.49 | 8.00       | 0.27       | 1.30       | -1.58 | 13.30      |
| Nhà Bè              | 11/10 | 1.78       | 16.30      | 1.75 | 3.30       | -0.70      | 23.00      | -1.26 | 10.00      |
|                     | 12/10 | 1.76       | 17.30      | 1.77 | 4.30       | -0.45      | 23.30      | -1.47 | 10.30      |
|                     | 13/10 | 1.70       | 18.30      | 1.72 | 5.30       | ct         | ct         | -1.64 | 11.30      |
|                     | 14/10 | 1.60       | 19.30      | 1.65 | 6.30       | 0.01       | 0.00       | -1.76 | 12.00      |
|                     | 15/10 | 1.48       | 20.30      | 1.55 | 7.30       | 0.31       | 0.30       | -1.83 | 13.00      |
| Thủ Dầu Một         | 11/10 | 1.90       | 18.00      | 1.87 | 5.40       | 0.19       | 0.00       | -0.03 | 12.30      |
|                     | 12/10 | 1.88       | 19.00      | 1.89 | 6.00       | 0.36       | 0.30       | -0.20 | 13.00      |
|                     | 13/10 | 1.83       | 20.00      | 1.86 | 7.00       | 0.52       | 1.00       | -0.36 | 14.00      |
|                     | 14/10 | 1.75       | 21.00      | 1.81 | 8.00       | 0.65       | 1.30       | -0.47 | 14.30      |
|                     | 15/10 | 1.64       | 22.00      | 1.74 | 9.00       | 0.77       | 2.30       | -0.55 | 15.00      |

|            |                                                                                                                                                                               |  |  |  |  |                                                                                                            |  |  |  |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| Cảnh báo : | Mức nước tại các trạm tiếp tục lên trong 1-2 ngày tới, sau xuống lại. Đỉnh triều đợt này đạt ở mức cao trên mức BĐIII, cần đề phòng ngập úng ở các vùng trũng thấp, ven sông. |  |  |  |  |                                                                                                            |  |  |  |
| Ghi chú :  | - Mức nước Vũng Tàu lấy theo độ cao số "0" Hải đồ<br>( * ) : không có số liệu<br>( - ) : không mưa                                                                            |  |  |  |  | - Cấp báo động tại:<br>Phú An, Nhà Bè & Thủ Dầu Một:<br>BĐ I : 1.40 m<br>BĐ II : 1.50 m<br>BĐ III : 1.60 m |  |  |  |

Tin phát lúc: 08:59 giờ ngày 11 tháng 10 năm 2026

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin:

Trần Huỳnh Thảo